TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 11-3-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Bùi Thị Bích Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Quang Hoạch**

Ông **Đinh Xuân Dậu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Kiều Diễm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2024 và ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2024/HSST-QĐ ngày 05/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị L**, sinh năm: 1982; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: Hà Tĩnh; Nơi đăng ký thường trú: Tổ G, ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Họ tên cha: Lê Quang L1, sinh năm 1960; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất. Họ tên chồng: Nguyễn Đăng D, sinh năm 1981 (đã ly hôn năm 2011) và có 02 con, lớn sinh năm 2002 (đã chết), nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (*Có mặt*).

- Bị hại: Chị Võ Thị Phương L2, sinh năm 1994.

HKTT: Tổ 18, khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Công ty TNHH C, đường I, khu công nghiệp H, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị L2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị L là người giúp việc cho gia đình chị Võ Thị Phương L2 ở tại khu ký túc xá của Công ty C, thuộc khu công nghiệp H- Sông M, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian giúp việc dọn dẹp cho chị L2, L phát hiện chị L2 có để nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và tiền đô la Mỹ (USD) trong ví da để trong ngăn kéo bàn trang điểm của chị L2, L đã nhiều lần lấy trộm tiền của chị L2 để tiêu xài cá nhân.

Lần 1: Vào khoảng 12 giờ ngày 15/7/2023 L lấy trong bóp của chị L2 03 tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/7/2023, L tiếp tục lên lầu dọn dẹp phòng cho chị L2 và lấy 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tổng cộng là 2.500.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/7/2023, L lấy 07 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 3.500.000 đồng.

Lần 4: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/7/2023, cũng tương tự như những lần trước Len lấy của chị L2 03 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD/01 tờ.

Lần 5: Vào khoảng 11 giờ ngày 22/7/2023 L lấy của chị 07 tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 3.500.000 đồng và 02 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD/01 tờ.

Lần 6: Vào khoảng 11 giờ ngày 24/7/2023 L lấy của chị L2 02 tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 đồng và 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD.

Lần 7: Vào khoảng 11 giờ ngày 26/7/2023 L lấy trong ví của chị L2 03 tờ tiền 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng và 02 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD/01 tờ.

Lần 8: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 27/7/2023 cũng giống như thủ đoạn của các lần trước Len lén lút lấy trong ví của chị L2 06 tờ tiền 500.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng và 02 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD/01 tờ.

Đến chiều tối ngày 27/7/2023 chị L2 phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo Công an Đồn khu công nghiệp H- Sông M. Công an Đ- Sông M đã làm việc với L, L đã thừa nhận hành vi trộm cắp tổng số tiền 16.500.000 đồng và 1000 USD của chị L2, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Công an Đ đã lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

Ngày 20/7/2023, 03 tờ tiền Dolar Mỹ mệnh giá 100 USD trị giá: 7.035.000 VNĐ (Bảy triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng);

Ngày 22/7/2023, 02 tờ tiền Dolar Mỹ mệnh giá 100 USD trị giá: 4.690.000 VNĐ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng);

Ngày 24/7/2023, 01 tờ tiền Dolar Mỹ mệnh giá 100 USD trị giá: 2.347.000 VNĐ (Hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng);

Ngày 26/7/2023, 02 tờ tiền Dolar Mỹ mệnh giá 100 USD trị giá: 4.696.000 VNĐ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng);

Ngày 27/7/2023, 02 tờ tiền Dolar Mỹ mệnh giá 100 USD trị giá: 4.696.000 VNĐ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng);

Tổng giá trị tài sản thẩm định trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra từ ngày 15/7/2023 đến ngày 27/7/2023 tại KCN H thuộc xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai là 23.464.000 đồng (Hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Như vậy tổng số tiền Việt Nam đồng và tiền đô la Mỹ L3 trộm cắp của chị L2 là 39.964.000 đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tư ngàn đồng).

Ngày 30/10/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" để điều tra. Quá trình điều tra L khai nhận sau mỗi lần trộm cắp tiền của chị L2, L đem số tiền đô la Mỹ đến tiệm V do bà Lưu Minh N và tiệm V1 do bà Đinh Thị Thúy H1 làm chủ ở xã B, huyện T đổi ra tiền Việt Nam đồng, sau đó sử dụng để đánh bạc qua mạng thông qua tài khoản game M88.vin và tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số 0376.790.597; 01 ví màu đen nhãn hiệu Vascara và số tiền 15.000.000 đồng.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Lê Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai bị hại và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-TB ngày 12 tháng 01 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Lê Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường thiệt hại được quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số 0376.790.597 thu giữ của Lê Thị l sử dụng vào việc đánh bạc. Cơ quan điều tra tách ra làm rõ hành vi đánh bạc của L và xử lý sau.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng và 01 ví màu đen nhãn hiệu Vascara là tài sản của chị L2, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2.

Về trách nhiệm dân sự: Chị L2 yêu cầu L tiếp tục trả cho chị L2 số tiền còn lại 24.964.000 đồng.

Bị cáo Lê Thị L nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị Vũ Thị Phương L4 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Bị cáo Lê Thị L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2023 đến ngày 27/7/2023 ở tại khu ký túc xá của Công ty C, thuộc khu công nghiệp H- Sông M, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Lê Thị L đã 08 lần lén lút trộm cắp tổng số tiền 39.964.000 đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tư ngàn đồng) của chị Võ Thị Phương L2.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của bị cáo Lê Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án là ít nghiệm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng muốn hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đều đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng 02 lần phạm tội trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại là các tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Thị Phương L2 yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả cho chị L2 số tiền 24.964.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số 0376.790.597 thu giữ của Lê Thị l sử dụng vào việc đánh bạc. Cơ quan điều tra tách ra làm rõ hành vi đánh bạc của L và xử lý sau.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng và 01 ví màu đen nhãn hiệu Vascara là tài sản của chị L2, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2 là đúng quy định.

[9] Vấn đề khác:

- Đối với hành vi đánh bạc của Len qua trang mạng internet, Cơ quan điều tra Công an huyện T tách ra làm rõ có căn cứ xử lý sau;

- Đối với bà Lưu Minh N- chủ tiệm V và bà Đinh Thị Thúy H1- chủ tiệm V1, ở xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình điều tra, bà N và bà H1 không thừa nhận việc việc giao dịch trao đổi ngoại tệ với L nên Cơ quan điều tra không thu hồi được số USD mà L đã trộm cắp của chị L2 và cũng không có căn cứ xử lý bà N, bà H1.

[10] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Lê Thị L **01 (Một) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Thị L phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Võ Thị Phương L2 số tiền 24.964.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Võ Thị Phương L2 cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Lê Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Về án phí tòa án: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị L phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.248.000 đồng (Một triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Vũ Thị Phương L4 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang H2 – Đ **Bùi Thị Bích Hồng**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân D1 – T **Bùi Thị Bích H3**